TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST Ngày 06-7-2023 V/v: "Ly hôn, con chung giữa chị M và anh P"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hoà

Ông Trần Văn Quang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:*** Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Đào H, xã Nghĩa C, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định;

Hiện đang cư trú và làm việc tại Úc;

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn Đào H, xã Nghĩa C, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị Trần Thị M có lý do, vắng mặt anh Đỗ Văn P không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2023, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M kết hôn với anh Đỗ Văn P trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm

2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Nghĩa C, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chị M chung sống bình thường, đến tháng 5 năm 2022 bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, có sự khác biệt nhau trong tính cách và lối sống sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi nhau khiến cho cuộc sống chung hết sức nặng nề. Vợ chồng ngày càng xa cách, không còn thường xuyên quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn P theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung cháu Đỗ Gia K, sinh ngày 18-10-2007 và cháu Đỗ Ngọc D, sinh ngày 20-3-2017, hiện nay hai con chung đang ở cùng anh P tại Thôn Đào H, xã Nghĩa C, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn chị M đề nghị Toà án xem xét giao hai con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc chị có quyền thăm nom, chăm sóc các con mà không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh P tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị M trình bày vợ chồng chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Do hiện nay chị Trần Thị M đang cư trú và làm việc tại Úc, do tính chất công việc và điều kiện kinh tế không cho phép nên chị không thể có mặt trực tiếp tại Việt Nam trong quá trình Toà án giải quyết vụ việc ly hôn. Do vậy, chị kính đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Nam Định cho phép chị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc ly hôn. Đồng thời, chị xin bảo lưu toàn bộ quan điểm trước, sau khi thụ lý vụ án và từ chối hoà giải đối thoại. Ngoài ra chị Uỷ quyền cho chị Đào Thị Thu Nguyên và chị Vũ Thị Chinh thay mặt chị thực hiện nộp hồ sơ ly hôn, tiếp nhận các văn bản tố tụng và nộp án phí, lệ phí nhà nước tại cơ quan có thẩm quyền.

* Bị đơn anh Đỗ Văn P đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhưng anh P đã cố tình không đến Toà án lần nào để nhận các văn bản tố tụng và làm việc với Toà án, anh đã biết được nội dung khởi kiện của chị Trần Thị M, đến nay anh P không có yêu cầu phản tố, không có tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, anh đã vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên toà xét xử mà không có lý do. Đến nay anh P vẫn không có quan điểm của mình đối với vụ án.

* Tại biên bản làm việc ngày 06 tháng 6 năm 2023 với UBND xã Nghĩa C cung cấp: Anh Đỗ Văn P và chị Trần Thị M có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa C, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định vào ngày 28-11-2006 tại quyển sổ đăng ký kết hôn số 02 TP/HT – 1999 – B mở ngày 01-3-2005, số thứ

tự 48, trang số 32. Hiện nay anh P, chị M đang ở nhà riêng trên đất do hai vợ chồng mua tại Thôn Đào H, xã Nghĩa C, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định. Tại địa phương từ trước đến nay vợ chồng anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Vợ chồng anh chị có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không lắm được, chị M đi nước ngoài thời gian nào địa phương cũng không lắm được nhưng thỉnh thoảng chị M có về nghỉ phép sau đó lại đi. Hiện chị M vẫn đang ở nước ngoài chưa về, anh P ở nhà làm nghề chạy xe dịch vụ và nuôi dạy các con. Về con chung, anh P và chị M có hai con chung, con lớn cháu Đỗ Gia K, sinh ngày 18-10-2007 giới tính nam, con nhỏ cháu Đỗ Ngọc D, sinh ngày 20-3-2017 giới tính nữ. Hiện nay hai con chung đang do anh P nuôi dưỡng, chăm sóc và cho đi học. Về tài sản chung anh chị có xây được ngôi nhà ba tầng mái bằng diện tích khoảng 100m^2. Nay chị M xin ly hôn quan điểm của địa phương đề nghị Toà án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, chị Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Anh Đỗ Văn P vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tống đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 175, Điều 177, Điều 220 BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS như cung cấp chứng cứ. Bị đơn không có văn bản và tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có đủ căn cứ xử ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Đỗ Văn P. Con chung đề nghị giao hai cháu Đỗ Gia K và cháu Đỗ Ngọc D cho anh Đỗ Văn P nuôi dưỡng, chăm sóc, chị M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung cho anh P mà được quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con. Tài sản chung, công nợ chung của chị M và anh P, chị M không đề nghị Toà án xem xét giải quyết nên không cần đề cập, giải quyết. Án phí chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn P đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 thông qua ông Vũ Xuân Đông là trưởng Thôn Đào H, xã Nghĩa C nhưng anh P vẫn vắng mặt. Chị Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 1

Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P, chị M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Đỗ Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Nghĩa C, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống giữa chị Trần Thị M và anh Đỗ Văn P đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị M để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Vợ chồng chị Trần Thị M và anh Đỗ Văn P có hai con chung cháu Đỗ Gia K, sinh ngày 18-10-2007 và cháu Đỗ Ngọc D, sinh ngày 20-3-2017. Hiện nay hai con chung đang do anh P nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị M đồng ý để cho anh P được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, chị có quyền thăm nom, chăm sóc các con mà không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh P tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh P không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung.

[5] Xét nguyện vọng của chị Trần Thị M trong việc nuôi con chung thì thấy: Cháu Đỗ Gia K và cháu Đỗ Ngọc D đang do anh P nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi chị đi cư trú và làm việc tại Úc cho đến nay, các cháu vẫn đang được ăn ở, cư trú ổn định, có môi trường sống tốt nhất để cho các cháu được phát triển lành mạnh cả về thể chất và tinh thần, chị M đang cư trú và lao động tại Úc ở xa nhà không có điều kiện để chăm sóc các con chung, chị M đã có ý kiến thể hiện nguyện vọng để các con chung cho anh P nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, việc chị M để con cho anh P nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên được chấp nhận, các con chung của vợ chồng anh, chị hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người thân. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Đỗ Gia K và cháu Đỗ Ngọc D cho anh P tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị M trình bày chị và anh P tự thoả thuận không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết. Anh P không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, về việc cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Nếu sau này chị M và anh P có đơn đề nghị Toà án xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được Toà án thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trần Thị M trình bày chị không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết, anh Đỗ Văn P không có ý kiến gì về phần tài

sản chung, công nợ chung của vợ chồng nên về phần tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng chị M, anh P Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này chị M và anh P có đơn đề nghị Toà án xem xét, giải quyết về việc phân chia tài sản chung, công nợ chung cũng sẽ được Toà án xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 71 ; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Đỗ Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung cháu Đỗ Gia K, sinh ngày 18-10-2007 và cháu Đỗ Ngọc D, sinh ngày 20-3-2017 cho anh Đỗ Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Trần Thị M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P mà được quyền đi lại, chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0006847 ngày 21-4-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, chị Trần Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, anh Đỗ Văn P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lại Văn Tùng

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Nghĩa C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.